



Thư Tòa Soạn

Mỗi dân tộc có những thiên hướng về những bộ môn nghệ thuật khác nhau, tạo nên những tài năng lớn, đóng góp vào gia tài văn học của nhân loại. Theo Jorie Graham, “Pháp, Ý, Tây Ban Nha có những họa sĩ lẫy lừng; Đức, Ý với những nhà soạn nhạc; nhưng rất ít xứ sở nào có thể so độ với các nước Anh, Mỹ khi nói về các nhà thơ.” Cần nói thêm, tiểu thuyết Nga; triết học Pháp, Đức. Trước thập niên 1950s, thơ Việt ảnh hưởng thơ Pháp, với chủ nghĩa *Tượng trưng* và *Siêu thực* (1930), đã cho thơ Việt những thay đổi sâu sắc, mở ra nhiều chiều không gian, so với những thời kỳ *Đường thi* và cổ điển. Nhưng phải đợi cho tới thập niên 1990s, chúng ta mới biết tới những chuyển biến lớn về phương diện văn hóa, ở phương Tây, manh nha từ đầu thế kỷ 20. Những phát minh công nghệ mới dần dần chuyển nền văn minh từ Âu châu sang Mỹ. Riêng về thơ, theo Christopher Caudwell, “Nước Anh đã có ba thế kỷ (từ thế kỷ thứ 16 đến cuối thế kỷ 19) dẫn đầu thế giới trong việc phát triển chủ nghĩa tư bản, trong cùng thời kỳ, nó dẫn đầu thế giới trong việc phát triển thơ.”

Cuối thế kỷ 19, thơ tiếng Anh chia làm hai dòng chủ lưu. Những người Thanh giáo bỏ trốn nước Anh, trên chuyến tàu *Mayflower*, đi tìm miền đất hứa (vào năm 1620), thành lập quốc gia mới, nay là nước Mỹ. Hậu duệ của họ, tiếp nối tinh thần phiêu lưu, mạo hiểm, khai phá thể thơ tự do (free verse), ly khai khỏi những giá trị thơ truyền thống. Tập thơ tự do đầu tiên, *Lá Cỏ* (Leaves of Grass) của nhà thơ Walt Whitman, ra mắt vào năm 1855. Hơn nửa thế kỷ sau, năm 1910, những nhà thơ như T. S. Eliot, Ezra Pound ... phát triển thành thơ hiện đại, đặc trưng cho tự do bình đẳng, mang đặc tính Mỹ. Trong lúc đó,

ở Anh, những nhà thơ vẫn tiếp tục dòng thơ thể luật, và ở Mỹ, dòng thơ này chỉ còn là phụ lưu.

Thập niên 1940s, sau khi thế chiến II kết thúc, nền văn minh Âu châu hoàn toàn chuyển sang Mỹ, khởi đầu là Trường phái *Trừu tượng Biểu hiện* (Abstract expressionism) với những họa sĩ Jackson Pollock, Willem de Kooning, Mark Tobey, Arshile Gorky, Hans Hofmann ... *Pop Art* với Robert Rauschenberg, Andy Warhol ... và *Pop music*, cuối thập niên 1950s – thập niên 1960s; *Rap*, *Hip Hop* music thập niên 1970s. Sau đó là kiến trúc mở đầu chủ nghĩa hậu hiện đại. Những khám phá công nghệ vi tính, bắt đầu vào những thập niên 1960s, và hoàn tất vào những thập niên 2000s, mau chóng đưa những thành quả nghệ thuật âm nhạc, phim ảnh và những thể loại nghệ thuật khác của Mỹ, ảnh hưởng tới toàn thế giới, mở ra một thời kỳ toàn cầu hóa chưa từng thấy. Nhưng thơ thì khác.

Thơ tự do Mỹ, sau thập niên 1950s, được gọi là thơ thời hậu chiến, cũng dồn dập những phong trào tiên phong. Nhưng không giống như âm nhạc và hội họa, nhưng nhà thơ khao khát sáng tạo, vô tình bỏ rơi người đọc. Và khi quay lại, đã không còn một người đọc nào, ngoài những nhà thơ và những nhà phê bình thơ. Một vài lý do có thể giải thích: những nhà thơ tự do quá chú tâm vào bản thân ngôn ngữ, chủ đề riêng tư, và những tự truyện cá nhân, trong khi, ở bất cứ thời đại nào, sự lôi cuốn người đọc thường ngoạn chính là những *lạc thú mỹ học* (esthetic pleasures), và những phát hiện điều gì đó về đời sống thực đang xảy ra chung quanh. Một lý do nữa, những khám phá công nghệ đã làm thay đổi nhanh chóng đời sống xã hội, tâm tư tình cảm

của con người. Nền giáo dục càng ngày càng trở nên cao cấp và chuyên biệt, chú tâm vào khoa học kỹ thuật. Những ngành học nhân văn, chỉ dành cho thiểu số những nhà nghiên cứu. Và văn học không còn được bao nhiêu người quan tâm. Điều rõ ràng, ở Anh, thơ thể luật, do ảnh hưởng thơ tự do Mỹ, đã lơ lửng sự khe khắt của luật tắc cho phù hợp với thời đại, tạo nên những khuôn mặt quan trọng như W. B. Yeats, W. H. Auden (Anh), Robert Frost (Mỹ), nhưng số người đọc thơ vẫn giảm. Từ năm 2000, cho tới những năm gần đây, sau những bận rộn với công việc, chúng ta quả không có đủ thời gian cho những sinh hoạt thường ngày, theo dõi phim truyện mỗi tối trên TV, cập nhật facebook, tin tức, coi những cuốn video mới nhất trên YouTube, và cuối tuần còn biết bao nhiêu niềm vui khác ... Cuộc chuyển đổi thế kỷ, chẳng lẽ đã làm thơ trở thành ký ức của một thế hệ đang bị lãng quên ư?

Thơ Mỹ, sau thời kỳ khủng khoảng vào cuối thập niên 1980s, đã không còn phân biệt giữa tự do và thể luật, và những nhà thơ hòa nhập giữa hai dòng thơ để tìm ra phép làm thơ cho thế hệ mai sau. Điều nghịch lý, những ảo tưởng bị phản bội, người đọc không cần thơ, và thơ cần người đọc để được hồi sinh. Theo Daniel Zomparelli, thơ chỉ còn phát triển trong *ý nghĩa văn kiện* (documentary sense) hơn là *ý nghĩa văn hóa*. Thơ và văn học là những con đường ngược chiều với nền văn minh mới. Và chỉ khi nào nền văn minh đó trở nên bão hòa, thơ mới có thể trở lại, nhờ vào sức mạnh tiềm ẩn mà những thể loại khác không có được. Thơ tiếng Anh ảnh hưởng lớn tới những nước nói tiếng Anh, và cả những nước không nói tiếng Anh, nghiêm nhiên có vai trò quan trọng trong thế giới thơ đương đại. Theo dõi những chuyển biến trong thơ Mỹ để định hướng cho thơ tiếng Việt, có lẽ, đó là điều cần thiết trong lúc này.

Hồ Đăng Thanh Ngọc
MỘT Ý NGHĨ

cô đơn là đặc trưng của phận
người như ân huệ ngọt đắng của
cuộc đời nhiều khi biết cô đơn
là chính mình sao vẫn muốn thoát

ra khỏi chính mình để mượn một
cái gì đó ồn ào lấp nổi
trông rỗng hoặc nằm nghiêng bên trái
để vay mượn giấc mơ cuộc thế

cô đơn đã gào thét khi sinh
ra và im lặng khi chết chóc
và cả khi những giọt nước mắt
rơi trong nỗi thống khổ nhưng không

thể van xin một tình yêu từ
đâu đó như cứ im lặng của
đá núi bởi tình yêu không hề
ban phát nó như một hơi thở

lạ lắm biển và núi cái nào
cô đơn hơn cái nào?

DA

tất cả những toan tính đều
thoảng chốc tan biến vô nghĩa
khi tiếng dạ của em cất
lên trước cơn giông đang đến

trên mặt sông Hương êm đềm

Hường Thanh
CÚP ĐIỆN

khi mọi thứ tối đi cô
hươ tay mình vào đầu hươ
chân xuống nền nhà hươ hươ
những ý nghĩ cô gái hươ

tóc mình trong bóng tối cô
thấy rằng mọi thứ tối rồi
tối rồi phải hươ hươ như
người điên người hươ thứ không

rõ ràng như hươ hươ thứ
ánh sáng không đường dẫn mãi
hươ tùm lum không khí cô
gái bất thần đôi mắt mình

chỉ nhìn thẳng nhìn quanh tư
thế thì vẫn hươ những ý
nghĩ đơn thuần là mò tìm
bật công tắc ánh sáng trên

khi mọi thứ tối đi cô
gái thấy bóng tối hươ hươ
lấy tấm thân cô gái để
cùng hươ về ánh mặt trời.

Nguyễn Thánh Ngã
TỰ HỎI BẦU TRỜI

bầu trời ơi sao tôi lại tự
hỏi bầu trời tôi tự hỏi tôi
mới đúng chứ nhưng bầu trời vô
không nên tôi tự hỏi bầu trời

vì sao vì sao im lặng không
trả lời khi lũ chim non kêu
cứu dưới vòm cây hòng sủng hơi
ngắm bắt tia từng tiếng hót véo

von tiếng hót hát ru bầu trời
đã bị thổ huyết dưới vòm cây
những ánh mắt hình viên đạn xuyên
thủng vòm cây đàn chim hoảng hốt

vỗ cánh bay đi để lại vòm
cây vô hồn tiếng gió rít qua
kẽ lá như tiếng than tuyệt vọng
trẻ con trong làng bụng to như

cái trống lại teo tóp hai lỗ
tai người già nghễnh ngãng điếc lại
nghe được tiếng chim réo gọi rằng
vòm cây chẳng ăn nắng ăn mưa

mà ăn tiếng chim mỗi sáng nếu
thiếu tiếng chim vòm cây sẽ bị
héo khô mà chết và bầu trời
cô độc có còn sống được không?

Xuân Thủy
MẤT CHÌA KHÓA

chiếc chìa khóa
số phận nó
phải chia lia
như nàng ... hay

hay ... nỗi nhớ
có thể không
thể nào ... bất
lực ... hay vì

tôi quên chiếc
chìa khóa ví
như quên nàng
vì chiếc chìa

khóa nên phải
chia lia còn
lại chỉ là nỗi
nhớ như mẫu

giấy nháp có
thể vứt hoặc
cất đâu đó
chiếc chìa khóa

mất đâu có
mở được cửa
chỉ còn lại
câu chuyện kể

mất chìa khóa
như nỗi nhớ
mất nàng ... như
mẫu giấy nháp

có thể vứt
hoặc cất chứ
biết làm gì...
một câu chuyện ...

31/01/2015

Phạm Quyên Chi
KHI

Tôi ngừng kể câu chuyện
lúc cô hàng xóm đặt
rổ rau ngót lên vai
và trở về nhà trong

cái nắng chiều buồn khô
có thêm tiếng hú loài
quạ khi mấy năm rồi
tôi không nghe lại hơi

thờ ngọt ngọt của chính
mình ... tôi ngừng kể câu
chuyện tôi bước vào thế
giới của sự ghi chép

gặp một ông lão Ông
dạy tôi cách ngâm những
nhánh cây mà không được
thả vào giấc mơ của

sự lười nhác ... rồi hỏi
tôi về một người mà
khi tôi ngừng kể câu
chuyện người ấy chưa

được kể người mà tôi
gặp trong chiếc hũ đựng
những cột đèn với nỗi
buồn chông chênh làm gì

có người đàn bà nào
ngồi vá mặt trời bên
tia nắng khăng khiu ngã
quy bên khung cửa ... tôi

trở về sau câu chuyện
ông chẳng muốn nghe thêm
lần nào gã điên rồ
phơi rong thân thể trên

manh chiếu rải trắng đóa
hồng và đưa tay khê
lắc nghe đâu đó đời
cuộc đời chẳng có gì?

Khế Iêm
HÉO TÀN

Hắn bước vào quá khứ
hắn là quá khứ nơi
căn gác dưới lớp tôn
mái tôn những trưa hè

nắng nóng hắn là nắng
nóng ngòi đó hắn là
ngòi đó quay lại một
thời niên thiếu chậm trôi

bây giờ đã chìm trong
ký ức như chiếc bóng
đậm đặc quạnh hiu kéo
dài cho đến khi hắn

như hạt bụi bị cuốn
vào cơn bão thời đại
mịt mù sương khói bỏ
lại đằng sau những người

sống trong ngôi nhà nửa
xây tường nửa gác gỗ
bây giờ không còn ai
và ngôi nhà cũng không

còn họ đã đi xa xa
rồi mang theo thời niên
thiếu đơn độc lặng câm
của hần hần nhớ họ

nhiều họ và hần như
giọt mưa tung tóe trên
hè phố và mỗi tia
nước là một ngã đường

đời trần trụi bây giờ
họ ở đâu những người
anh em của hần hần
khóc những giọt nước mắt

khô bên cạnh mỗi sâu
thương và quá khứ hần
bước ra phút giây như
chiếc lá đã héo tàn.

AI ĐÃ GIẾT THƠ

Joseph Epstein

(Tiếp theo)

Trước khi tôi cố gắng tiếp cận được điều tôi tin rằng đã xảy ra, có lẽ tôi phải mô tả cái mà tôi cho là tình hình của thơ đương đại (situation of contemporary poetry). Nếu phải đúc kết tình hình này trong chỉ một câu thôi, tôi sẽ viết như sau: Thơ đương đại tại Mỹ đang nở rộ trong một khoảng không (Contemporary poetry in the United States flourishes in a vacuum). Ngày nay có hơn 250 trường đại học có những chương trình dạy viết-sáng-tác (creative-writing), và tất cả những chương trình này đều có bộ phận thơ, có nghĩa là những trường đại học đó không chỉ đào tạo những người có tham vọng trở thành nhà thơ, mà còn muốn những người, nam cũng như nữ, từng có tác phẩm thơ đã được in ra, để dạy dỗ họ. Nhiều người trong số đó, nam cũng như nữ, trước đó là sinh viên học một chương trình dạy viết lách rồi sau trở thành người dạy của một chương trình viết lách khác – mà không có được những kiến thức cơ bản về thơ, bạn có thể nói là họ như người chân không chạm đất, không đứng vững được. Còn những trường cao đẳng và đại học nào không có những chương trình chính thức dạy việc viết lách thì thuê mượn những nhà thơ để dạy một hoặc hai khóa dạy viết-sáng-tác; và khoá dạy sáng tác thơ cũng đã trở thành mục chính trong danh mục các khoá học của các trường cao đẳng/đại học cộng đồng và các cơ sở giáo dục dành cho người lớn (adult-education). Không một vị thế nào nêu trên nâng những nhà thơ ngang bằng với những Helmsley và Trump *, nhưng có thể đào tạo một số lớn các nhà thơ – hơn 6,300 nhà thơ và những người viết khác được lên danh mục trong ấn bản mới nhất của *Danh bạ các Nhà Thơ và các Tác giả hư cấu Mỹ* (Directory of American Poets and Fiction Writers) – là những người sống được nhờ vào công việc liên hệ chặt chẽ với nghề đó của họ. Khoảng ba chục năm trước đây, chỉ có một nhóm nhỏ nhà thơ ở tầm vóc cao nhất mới có nổi loại công việc giúp sống được như thế.

Robert Frost, vào độ tuổi ngoài tám mươi và là người rất thường được mời đi lưu diễn đọc thơ, đã nghĩ rằng thật là điều tốt đẹp nếu những nhà thơ trở thành những người dạy “trong cả ngàn hoặc hai ngàn trường cao đẳng/đại học,” và ông nói thêm rằng những trường cao đẳng và đại học đã cung cấp cho những nhà thơ “những đám thính giả thơ tốt nhất chưa từng có trong thế giới này.” Được viết năm 1985, trong một bài tiểu luận có tựa đề “Đọc Thơ: Cuộc Công diễn/Hành động Riêng tư” (Poetry Reading: Public Performance/Private Act), nhà thơ Donald Hall đã lưu ý: “Ba mươi năm trước đây, việc đọc thơ vốn hiếm xảy ra, đã trở thành dạng công bố tác phẩm chủ yếu của các nhà thơ Mỹ. Hàng năm có cả trăm ngàn thính giả lắng nghe cả chục ngàn buổi diễn đọc.” Đại đa số những buổi diễn đọc đó diễn ra trong khuôn viên các trường cao đẳng/đại học, nhưng cũng có nhiều buổi khác diễn ra tại những trung tâm văn hóa như tại Đường số 92 Y ở New York, Trung tâm Thơ tại Viện Nghệ thuật Chicago, Diễn đàn Thơ Quốc tế tại Pittsburgh, đó là chưa kể tới những nơi khác như những nhà thờ, những giáo đường Do Thái, các quầy rượu (bars), các phòng trưng bày các tác phẩm nghệ thuật, các tiệm sách, và những diễn đàn công cộng khác. Donald Hall nhắc nhở cho chúng ta biết rằng những nhà thơ như Vachel Lindsay, Carl Sandburg, và Robert Frost đã có những buổi đọc thơ vào các thập niên 20’s và 30’s, nhưng chính Dylan Thomas vào cuối thập niên 40’s và

đầu thập niên 50's, với lối trình diễn rất tuyệt cộng thêm sức lôi cuốn do cung cách ứng xử kì quặc của ông, đã thực sự làm cho việc diễn đọc thơ trở nên quan trọng.

Những buổi đọc thơ có thể diễn ra bất kì nơi đâu, với từ một nhóm sinh viên đã thật đáng cảm động đằm mình dưới mưa để lắng nghe, cho tới đám cử tọa đông vài trăm người, thuộc giới giàu có, hợp thời trang. Danh tiếng của nhà thơ diễn đọc là yếu tố quyết định. Danh tiếng cũng định đoạt tiền thù lao cho người đọc thơ. Donald Hall, vào năm 1985, khẳng định rằng mức chuẩn của một thù lao khá hậu là \$1,000, tuy nhiên tôi ngờ rằng đa số các nhà thơ nhận được số tiền ít hơn mức đó khá nhiều, trong khi vài nhà thơ khác – như Allen Ginsberg, Adrienne Rich, John Ashbery – xứng đáng được nhận số tiền nhiều hơn. James Dickey khẳng định đã nhận được \$4,500 cho mỗi lần diễn đọc. Đôi khi hai hoặc ba trường cao đẳng/đại học gần nhau mời cùng một nhà thơ, và nhà thơ đó nhận được hai hoặc ba món tiền thù lao, trong khi các trường đó chia nhau trả tiền chuyển bay của nhà thơ. Nhưng trong nội bộ, giữa các nhà thơ với nhau, có những tranh luận rằng liệu những buổi đọc thơ đó có làm hỏng các nhà thơ. Một số người khẳng định rằng việc đọc quá thường xuyên có thể khiến nhà thơ có khuynh hướng sáng tác những bài thơ có nội dung đơn giản hơn, bồn chồn hơn, để người nghe dễ lĩnh hội, trong khi đó với những bài thơ phức tạp – thử tưởng tượng khi nghe bài “Le Monocle de Mon Oncle” (Kính Một mắt của Chú tôi) của Wallace Stevens mà chưa từng được đọc nó – thì khó có thể có sự thành công trong việc diễn đọc chúng. Tuy nhiên việc đọc thơ cũng giúp về mặt tài chính cho nhiều nhà thơ hoặc không có nghề dạy học hoặc không muốn dạy học. Mặt khác, buổi diễn đọc cũng là dịp giao lưu với người nghe, khiến vỗ về cái tôi của nhà thơ, vì có nhiều tác phẩm thơ, kể luôn của những nhà thơ từng có nhiều tác phẩm được in ra, hầu như chẳng hề được nói tới trong các mục điểm sách, và tác giả của chúng hầu như chẳng nhận được thư phản hồi của người đọc.

Không có ai lưu giữ những ghi chép chính xác về những vấn đề vừa nêu trên, nhưng có một cảm nhận chung rằng hiện nay có nhiều tác phẩm thơ được ấn hành hơn là trước đây. Không phải là những tác phẩm đó được in ấn và phát hành rộng rãi bởi những nhà xuất bản lớn, chủ chốt, ở New York và Boston, dù rằng những nhà xuất bản này quả có in ấn tác phẩm của một vài nhà thơ đương đại. Vấn đề là nhiều nhà xuất bản của các trường đại học đã bắt đầu công cuộc xuất bản những tác phẩm thơ và sách viết về thơ, một số nhà đã làm việc đó từ nhiều năm trước. (Tôi còn nhớ là Howard Nemerov, nhà thơ mới được vinh danh của chúng ta, có tác phẩm đã được nhà xuất bản của Trường Đại học Chicago ấn hành từ khá lâu rồi.) Cuối cùng thì những nhà xuất bản được gọi là “những nhà xuất bản nhỏ” (small presses) đã ấn hành một số lượng khá lớn những tác phẩm thơ. Một số nhà này – như David R. Godine ở Boston chẳng hạn, hoặc North Point Press của Berkeley – thực sự không phải là nhỏ, nhưng những nhà khác như Dragon Gate hoặc Aralia Press thì đúng là nhỏ. Câu trả lời đúng nhất cho câu hỏi rằng những tác phẩm thơ đó có bán được không có lẽ là: “Không khả quan lắm”. Người ta thường được nghe nói rằng nhà thơ Mĩ nghiêm túc, quan trọng duy nhất có thể sống nhờ vào việc bán các thi phẩm là Robert Frost, nhưng theo Donald Hall, thậm chí cả Frost cũng chỉ có thể sống nhờ việc bán đó vào lúc cuối đời.

Tuy nhiên không thiếu những đại lí, những cửa hàng tiêu thụ thơ. Tạp chí New Yorker có in ấn phát hành các tác phẩm thơ, và nhiều nguyệt san và quý san văn học cũng làm việc đó: Tờ Poetry, do Harriet Monroe sáng lập năm 1912, cũng bị cuốn theo phong trào in thơ. Ngoài ra còn có nhiều tạp chí nhỏ đã đăng tải một số lượng lớn các tác phẩm thơ. Những tạp chí này thường chỉ in vài trăm số, không phải vài ngàn. Hầu như tất cả những tạp chí này sẽ bị phá sản nếu không có tài trợ. Có quá nhiều tạp chí nhỏ khiến người ta phải tạo ra một tổ chức – một “tổ chức làm dù che”, nói theo ngôn ngữ quan liêu bàn giấy – gọi là Hội đồng Phối hợp các Tạp chí Văn học (The Coordinating Council for Literary Magazines). Bản thân Hội đồng này cũng được tài trợ dồi dào, phần lớn do Cơ quan Quốc gia Quyên tặng các ngành Nghệ thuật (National Endowment for the Arts). Đôi khi

[người ta có cảm tưởng là] dường như không có một bài thơ nào được viết ra trong đất nước này mà lại không được tài trợ hoặc được bao mua hết bởi một món tiền trợ cấp đến từ một cơ quan tài trợ hoặc từ chính quyền hoặc tiền lương giảng dạy hoặc một hội ái hữu hoặc một học bổng thuộc dạng này hoặc dạng khác.

Và vậy là, như người D.J [người giới thiệu, bình luận nhạc cho đài truyền hình] nói, nhịp điệu đó cứ thế tiếp diễn. Có sự giả đò rằng chẳng có gì sai lạc, rằng công việc vẫn tiến triển như thường lệ. Tỉ dụ như hiện nay có rất nhiều giải thưởng: những giải Pulitzer, Lamont, National Book Critics Circle, và Yale Younger Poets, và Rome Fellowships of the American Academy and Institute of Arts & Letters, và Guggenheims and National Endowment for the Arts Fellowships, và Library of Congress Consultantships, và Lilly Prize, và nào là một nhà thơ được nhà nước vinh danh, và thậm chí còn có – làm sao mà ông ta, người nhiều tham vọng hơn cả trong số các nhà thơ, lại có thể cười nhạo nhờ trước tin này – Giải thưởng Tưởng niệm Delmore Schwartz. Các nhà thơ đều đặn đi diễn hành như thể những nam hoặc nữ phát ngôn viên cho bộ tộc hoặc chủng tộc hoặc khuynh hướng chính trị của họ. Một số ít các nhà thơ – như Robert Penn Warren, và có lẽ Richard Wilbur sẽ sớm đạt tới vị thế này – có nhiều huy chương hơn cả Baron von Richthofen **

Và rồi cũng không thiếu những bằng danh dự, những món tiền thù lao, những vụ việc ẩn hành thi tập có thể xây đến, những cơ hội để thu thập lòng ngưỡng mộ của người đọc. Căn cứ vào tất cả những điều kể trên, có thể nói được rằng thơ đương đại đang trên đà nở rộ.

Phạm Kiều Tùng dịch

(Còn tiếp)

Chú thích

* Tỉ phú người Mỹ Harry Helmsley và vợ là Leona Helmsley, kinh doanh bất động sản. Ông xây dựng Helmsley Palace trên đại lộ Madison, tòa nhà Empire State, phát triển bất động sản bao gồm các Park Lane Hotel (New York), New York Helmsley Hotel, Helmsley Palace Hotel, khách sạn ở Florida và các tiểu bang khác. Vào đầu năm 1989, hai mươi ba khách sạn trong chuỗi được kiểm soát trực tiếp của Leona Helmsley. Donald Trump, tỉ phú nhà đầu tư địa ốc Mỹ, từng có ý định tranh cử tổng thống Mỹ 2012.

** Baron von Richthofen (1892-1918), Phi công huyền thoại người Đức trong thế chiến I, đã chiến thắng 80 trận không chiến với Anh và Pháp, và có khoảng 17 cuốn sách nghiên cứu về ông sau khi ông chết.

Octavio Paz
WIND, WATER, STONE

for Roger Caillois

Water hollows stone,
wind scatters water,
stone stops the wind.
Water, wind, stone.

Wind carves stone,
stone's a cup of water,
water escapes and is wind.
Stone, wind, water.

Octavio Paz
GIÓ, NƯỚC, ĐÁ

tặng Roger Caillois

Nước làm rỗng đá,
gió tung tóe nước,
đá chặn gió.
Nước, gió, đá.

Gió khắc tạc đá,
đá là một li nước,
nước thoát đi và thành gió.
Đá, gió, nước.

Wind sings in its whirling,
water murmurs going by,
unmoving stone keeps still.
Wind, water, stone.

One is another and no other:
crossing and vanishing
through their empty names:
water, stone, wind.

Translated by Eliot Weinberger

Octavio Paz

WIND, WATER, STONE

The water hollowed the stone,
the wind dispersed the water,
the stone stopped the wind.
Water and wind and stone.

The wind sculpted the stone,
the stone is a cup of water,
The water runs off and is wind.
Stone and wind and water.

The wind sings in its turnings,
the water murmurs as it goes,
the motionless stone is quiet.
Wind and water and stone.

One is the other and is neither:
among their empty names
they pass and disappear,
water and stone and wind.

Translated by Mark Strand

Gió hát khi xoáy cuộn,
nước thâm thì trôi đi,
đá đứng yên.
Gió, nước, đá.

Cái này là cái kia, và chẳng là cái gì:
chúng băng qua nhau và tan biến
qua những danh xưng trống rỗng:
nước, đá, gió.

Phạm Kiều Tùng dịch

Chú thích

Nhà thơ Mexico, Octavio Paz, sinh năm 1914. Tập thơ đầu tiên của ông *Luna silvestre* (1933). Giải thưởng Nobel về văn học năm 1990, và mất năm 1998.

Roger Caillois (1913 – 1978) là một nhà phê bình, nhà xã hội học và một triết gia người Pháp.

Bài thơ của O. Paz tặng Roger Caillois, được dịch qua tiếng Anh bởi hai dịch giả Eliot Weinberger và Mark Strand. Bản dịch tiếng Việt của dịch giả Phạm Kiều Tùng.

Ghi chú của người dịch (PKT): Roger Caillois là người đầu tiên giới thiệu và dịch Borges sang tiếng Pháp (và vài truyện ngắn của Borges lần đầu tiên được dịch sang tiếng Anh là dịch qua bản dịch tiếng Pháp của R. Caillois). Caillois còn giới thiệu và dịch nhiều tác giả Mỹ La-tinh khác như M.A. Asturias, P. Neruda, A. Carpentier, V. Ocampo ... Chỉ nói riêng về một ngành học mới mẻ, non trẻ là ludology (nghiên cứu về games), thì cuốn *Les Jeux et les Hommes* (1958) của R. Caillois đã trở thành tác phẩm kinh điển. Từ năm 1991 có giải thưởng văn chương mang tên Roger Caillois (Adolfo Bioy Casares đoạt giải này năm 1995, Mario Vargas Llosa năm 2002, Carlos Fuentes năm 2003 ...)